

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang

Ngày 31/03/2025	2,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.1%	-	-

DT thuần Q1/25
85.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼52.2 -37.8%
YoY: ▼5.70 -6.2%

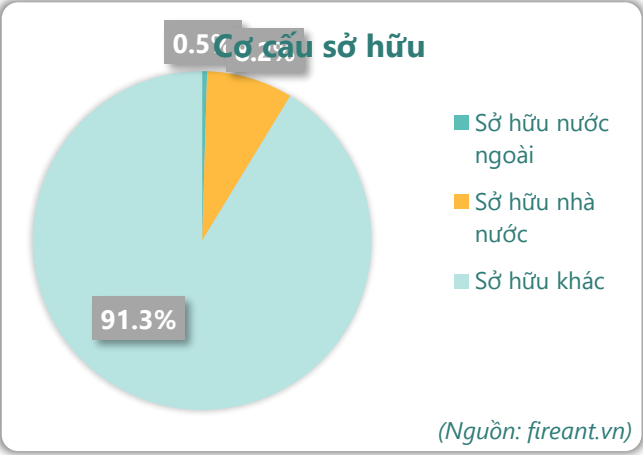
LN thuần Q1/25
-8.99
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.65 -1461%
YoY: ▼3.67 -68.9%

LN sau thuế Q1/25
-9.33
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.80 -2084%
YoY: ▼3.39 -57.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
-1.4%
YoY: +/-▼ 7.9%

ROE (TTM) Q1/25
3.8%
YoY: +/-▲ 1.7%

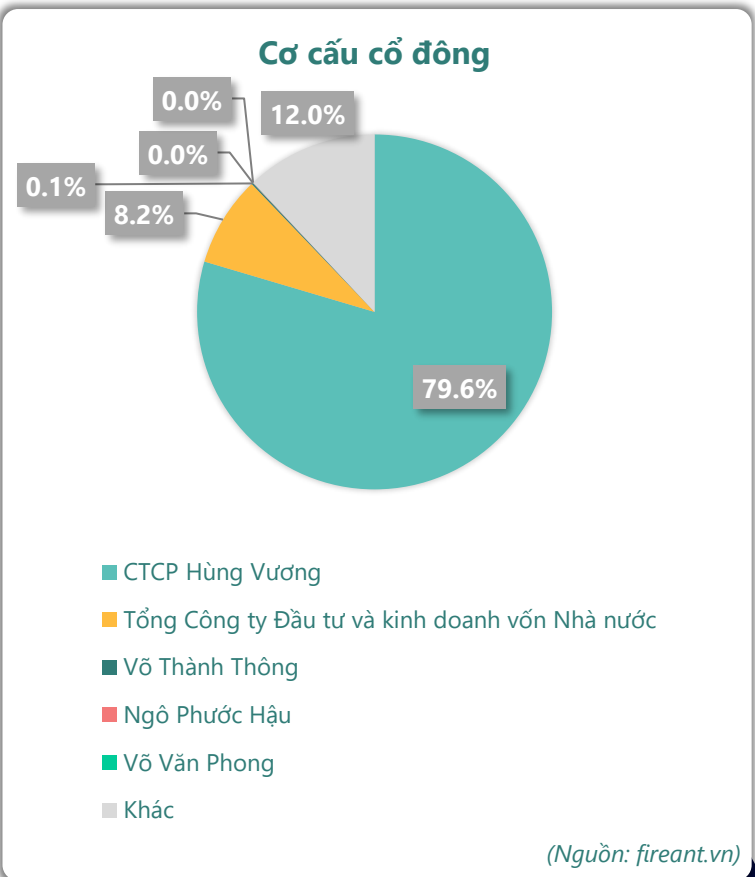
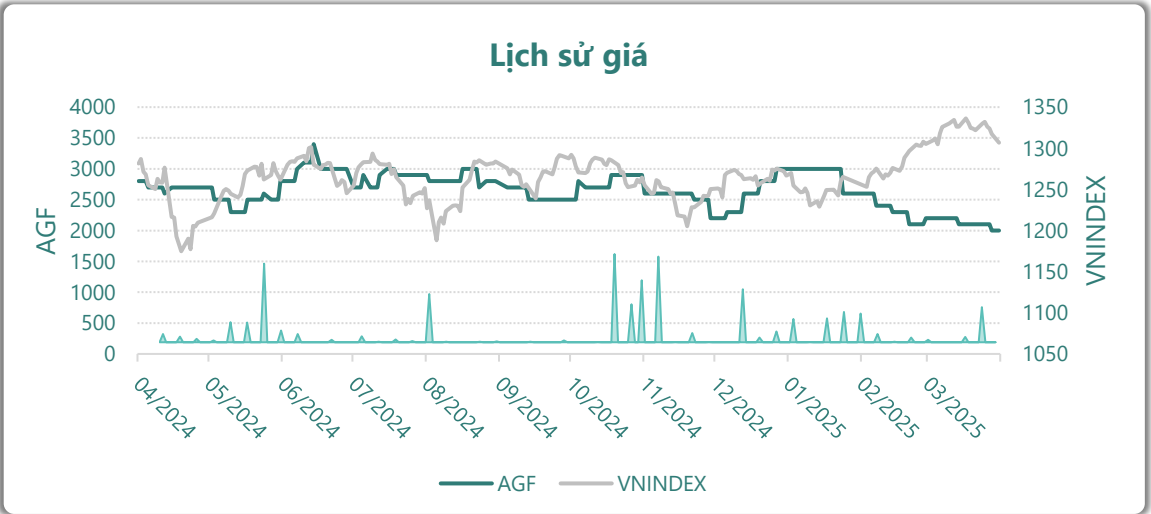
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,000 - 3,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	56
Số lượng CPLH (CP)	28,109,743
KLGD BQ 20 phiên (CP)	405
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	
EPS	-256
P/E	-7.8



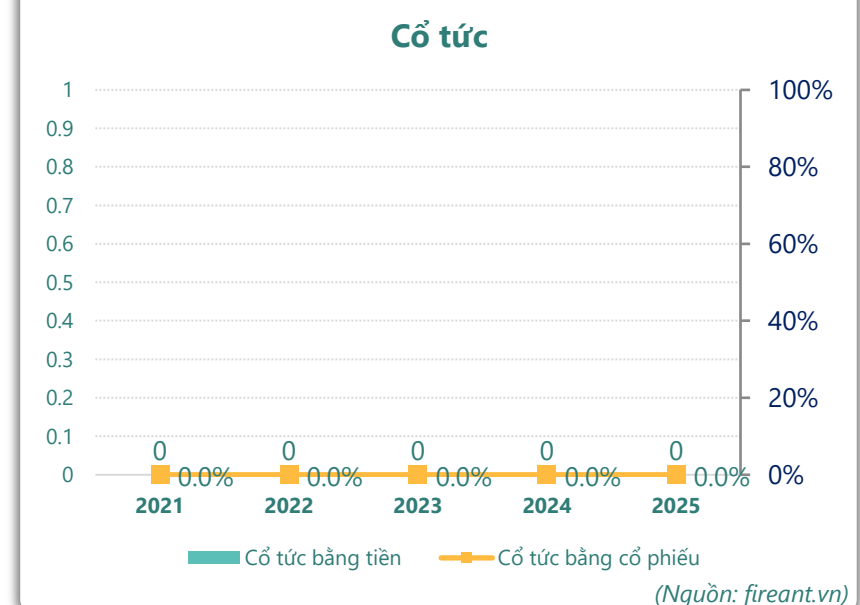
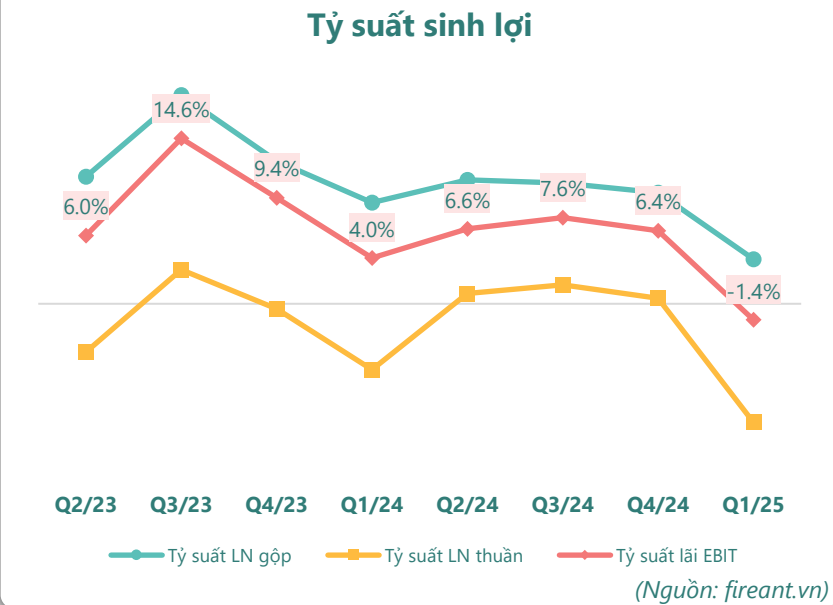
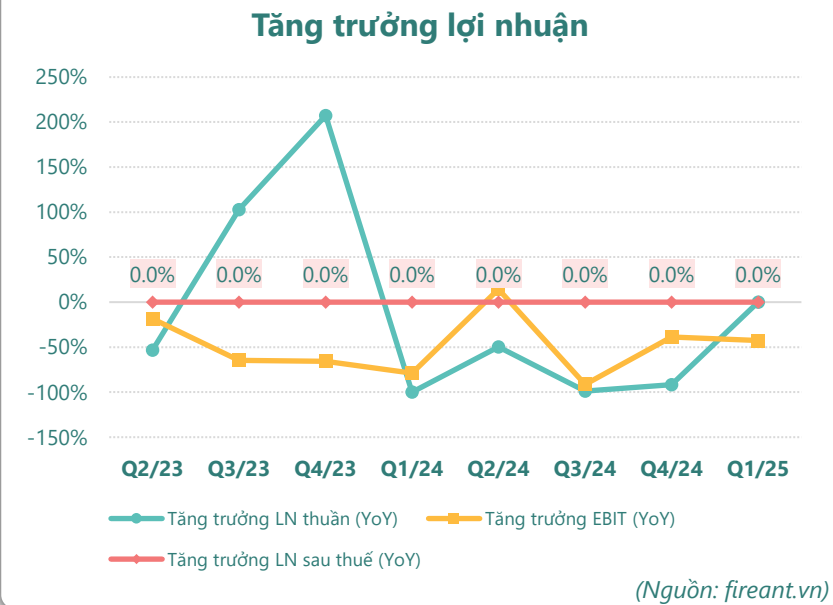
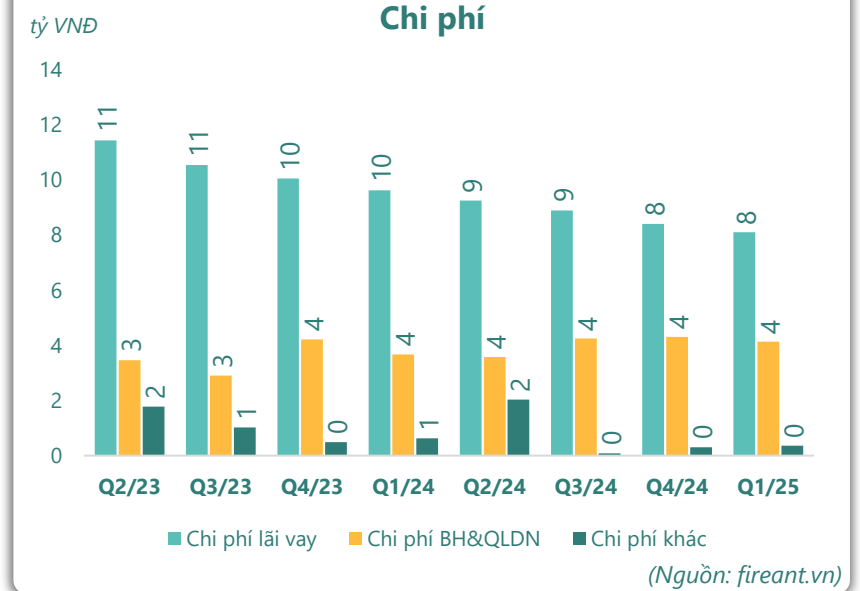
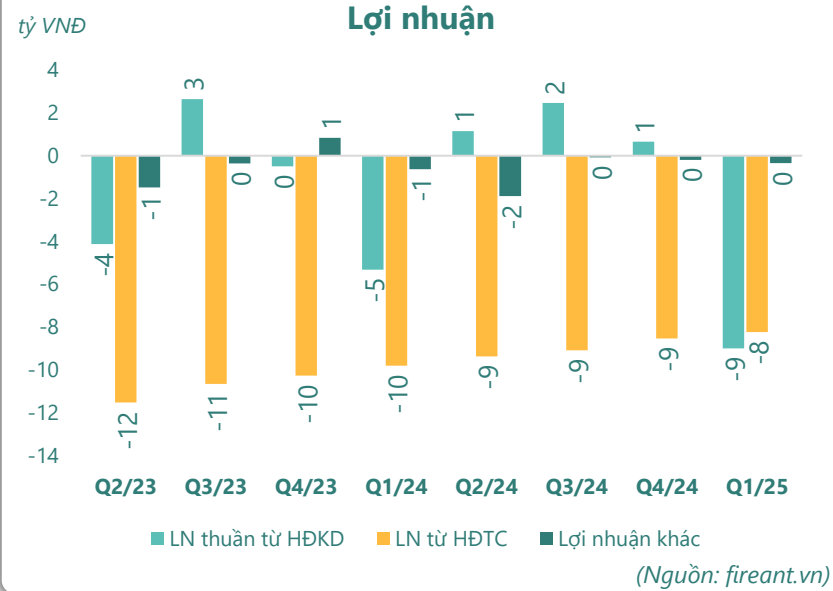
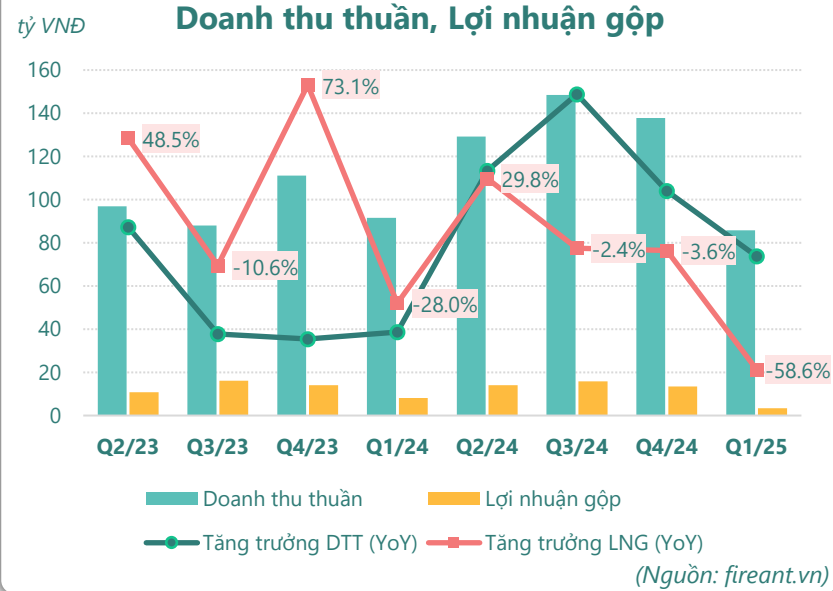
DT thuần 2024
507
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 55.0 12.2%

LN thuần 2024
-0.71
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.72 79.3%

LN sau thuế 2024
-3.49
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.53 42.1%



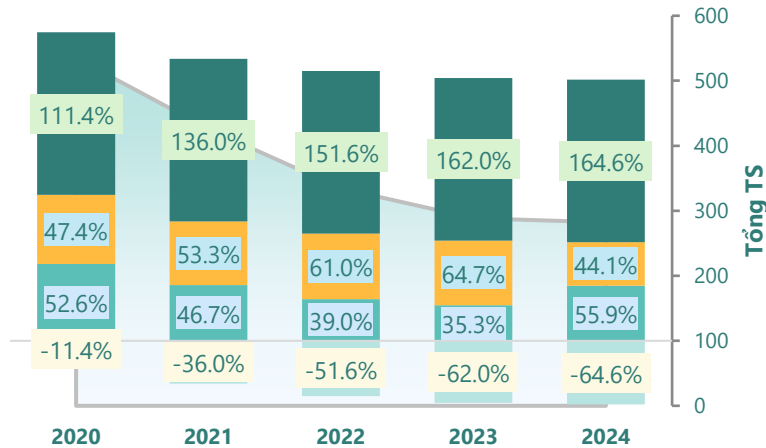
KẾT QUẢ KINH DOANH



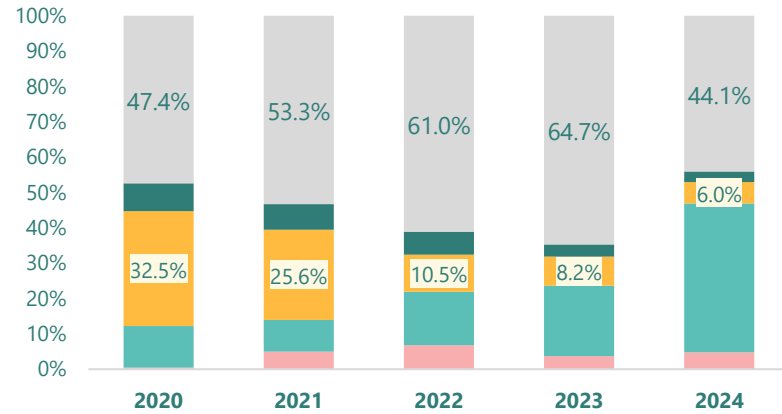
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

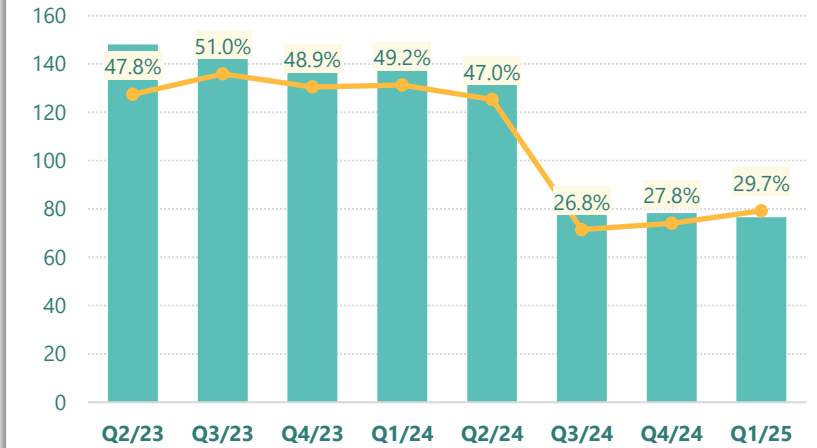


Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



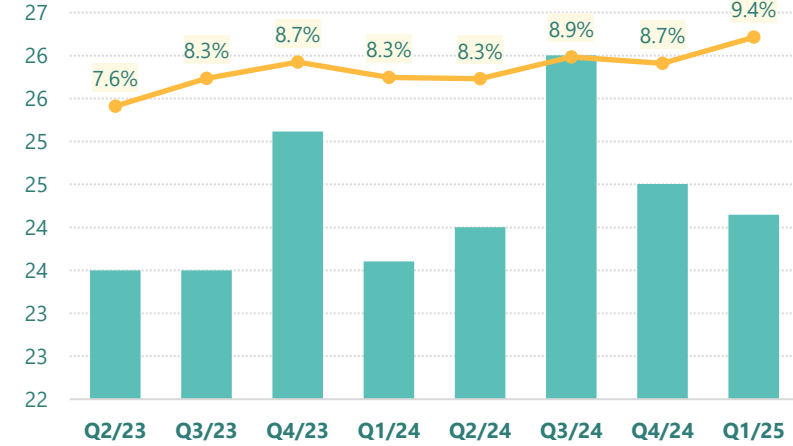
Tài sản cố định

tỷ VNĐ



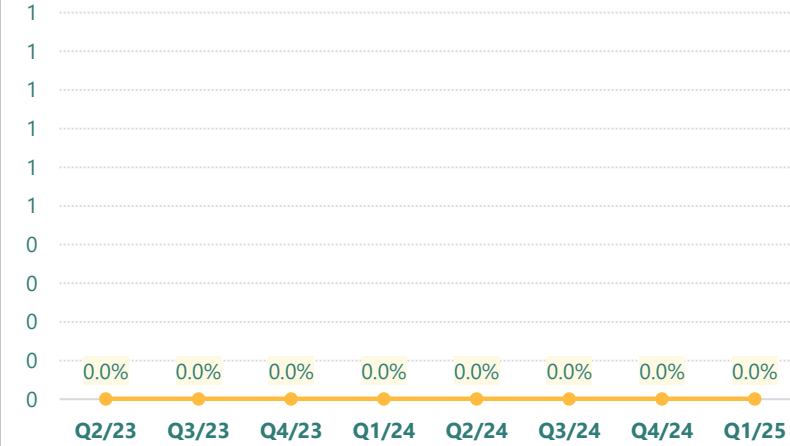
Tài sản dở dang

tỷ VNĐ



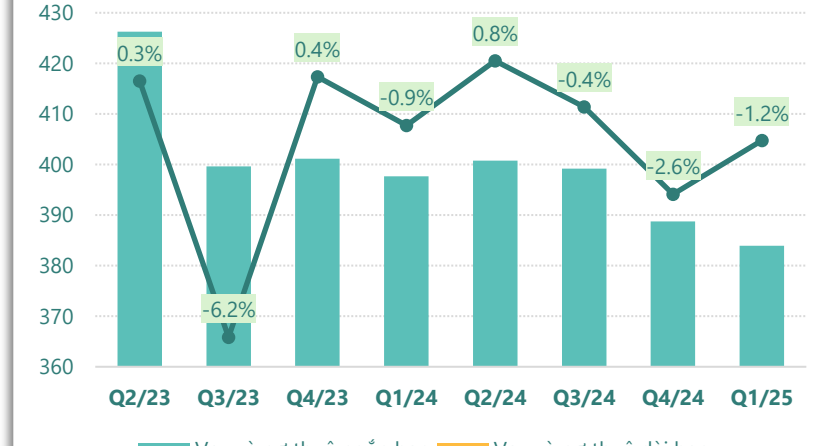
Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ



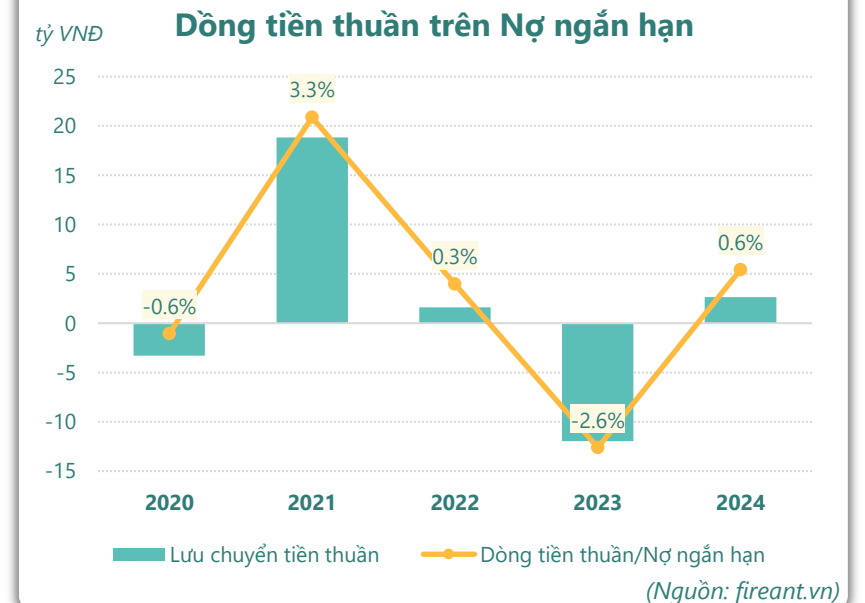
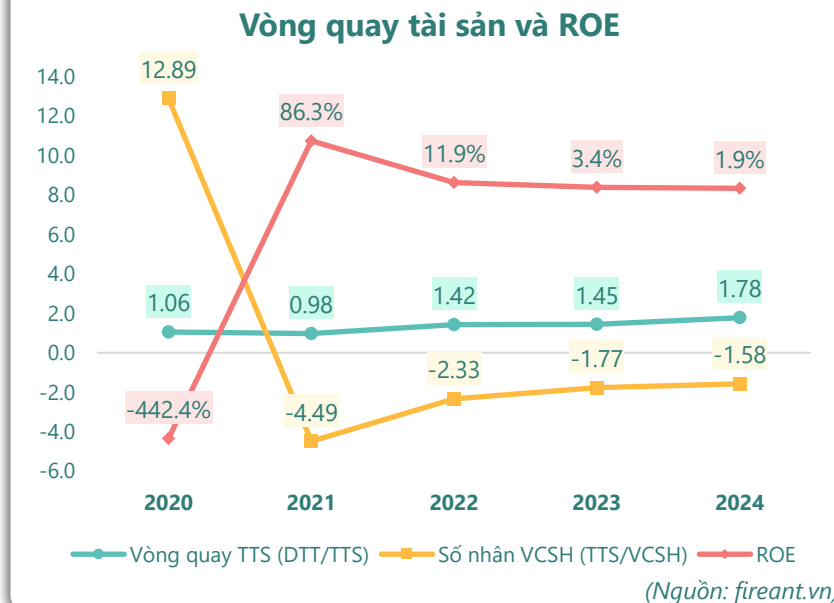
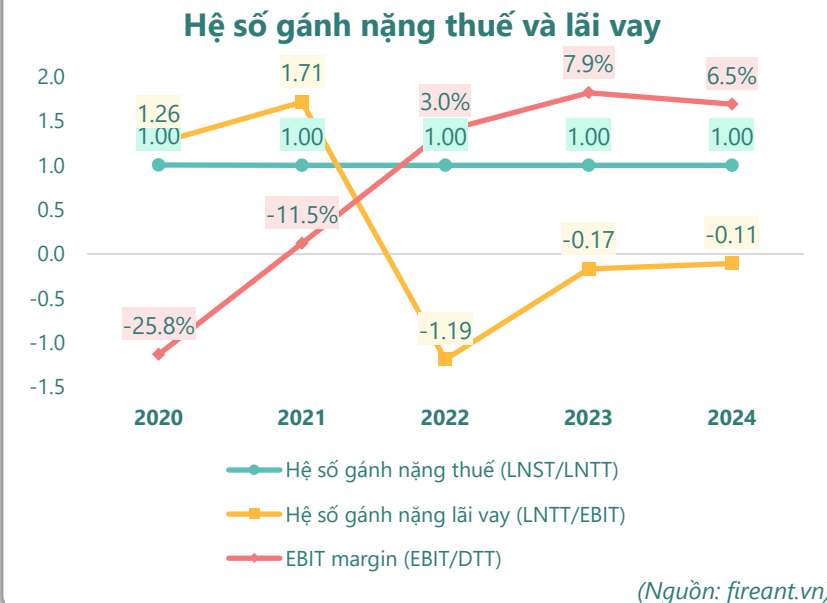
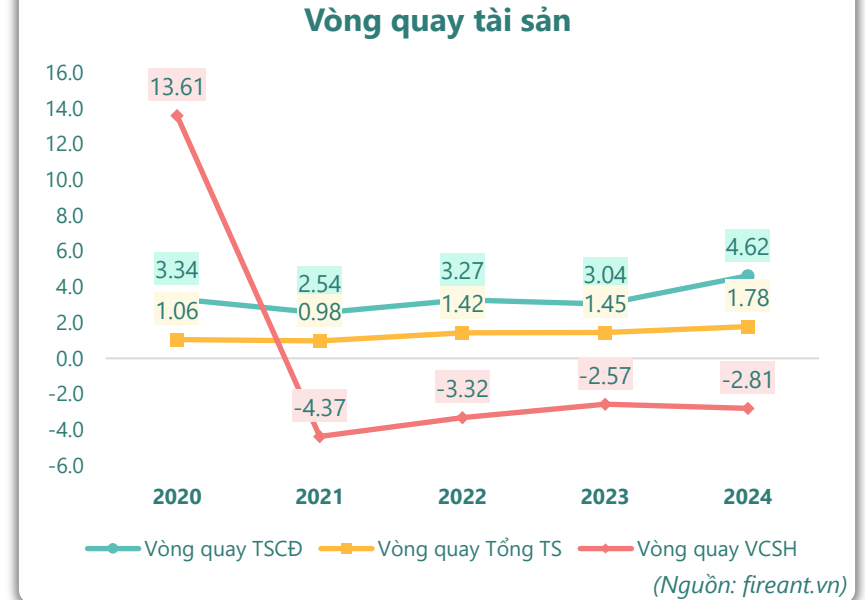
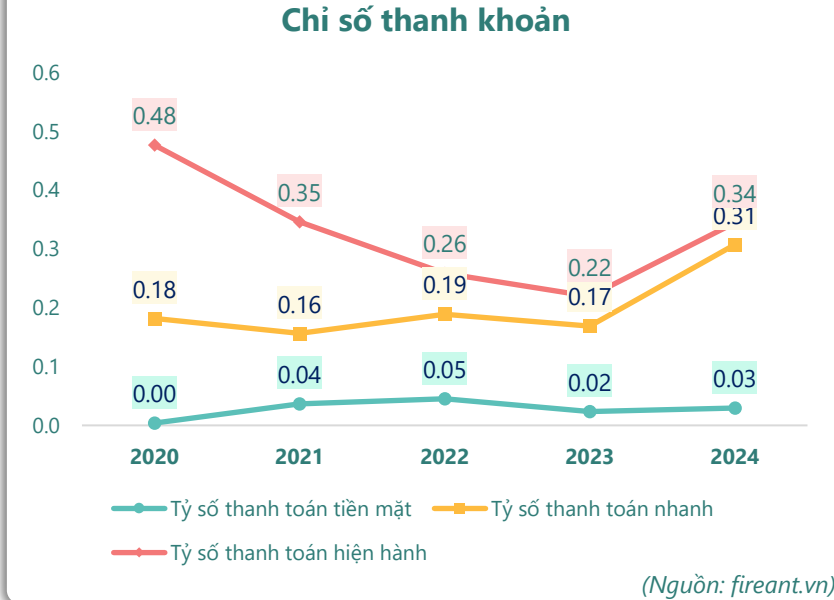
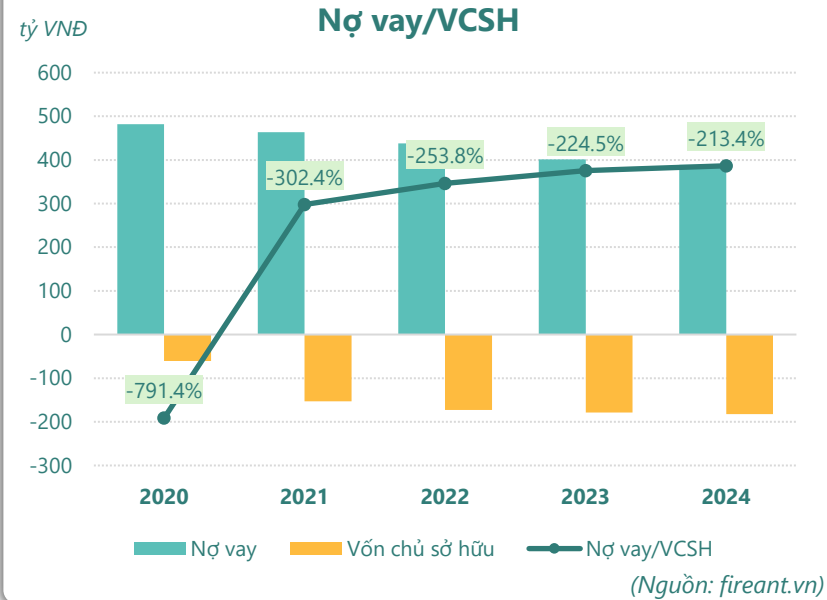
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	85.8	91.5	-6.2%	507	452	12.2%
Giá vốn hàng bán	82.4	83.4	-1.2%	455	399	14.0%
Lợi nhuận gộp	3.38	8.16	-58.6%	51.9	52.8	-1.7%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.03	-10.0%	0.25	0.37	-33.6%
Chi phí TC	8.25	9.84	-16.1%	37.0	42.5	-12.8%
Chi phí lãi vay	8.11	9.63	-15.8%	36.2	41.8	-13.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.92	0.68	35.3%	3.21	3.98	-19.3%
Chi phí QLDN	3.22	2.99	7.6%	12.6	10.1	24.4%
LN thuần từ HĐKD	-8.99	-5.32	-68.9%	-0.71	-3.43	79.3%
Lợi nhuận khác	-0.34	-0.63	46.1%	-2.78	-2.59	-7.3%
LN trước thuế	-9.33	-5.94	-57.0%	-3.49	-6.02	42.1%
Lợi nhuận sau thuế	-9.33	-5.94	-57.0%	-3.49	-6.02	42.1%
LNST của CĐ cty mẹ	-9.33	-5.94	-57.0%	-3.49	-6.02	42.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.77	1.70	-1.87	16.7	2.00	10.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.57	-1.24	0.32	-2.34	-0.32	-0.65
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.47	-3.45	3.10	-1.58	-10.4	-4.86
Tiền đầu kỳ	10.1	10.8	7.80	9.38	22.2	13.4
Lưu chuyển tiền thuần	0.68	-2.99	1.56	12.8	-8.75	5.23
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.02	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.8	7.80	9.38	22.2	13.4	18.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	258	282	-8.6%
Tài sản ngắn hạn	136	158	-13.6%
Tiền và tương đương tiền	18.7	13.4	39.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	97.9	119	-17.7%
Hàng tồn kho	12.0	17.0	-29.9%
Tài sản ngắn hạn khác	7.84	8.36	-6.2%
Tài sản dài hạn	122	124	-2.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	76.6	78.4	-2.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.1	24.5	-1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	20.8	21.6	-3.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	449	464	-3.2%
Nợ ngắn hạn	441	457	-3.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	384	389	-1.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.69	19.9	-61.2%
Nợ dài hạn	8.02	6.83	17.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	-192	-182	-5.1%
Vốn chủ sở hữu	-192	-182	-5.1%
Vốn điều lệ	281	281	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

